Rắn số

Mẫu giáo | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Người lớn có thể đọc to hướng dẫn này. Đếm từ 1 đến 12 và viết các số còn thiếu. Mỗi số nằm ở ô sát cạnh ô của số trước: trên, dưới, trái hoặc phải.

Bắt đầu từ 1 và kết thúc ở 12. Mỗi số chạm một cạnh của ô trước nó.

1 +1

12		10	
5		7	8
			1

2 +1

12	3		1
11		5	
	9		

3 +1

		5	4
8		12	
		1	2

4 +1

		10	
		3	12
6	5		1

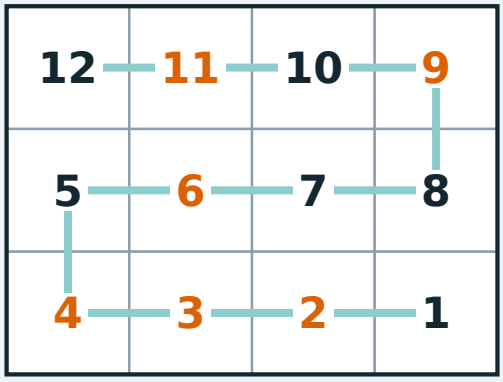
Rắn số

Mẫu giáo | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

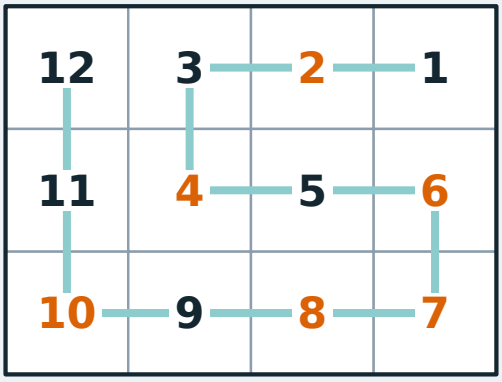
1

+1



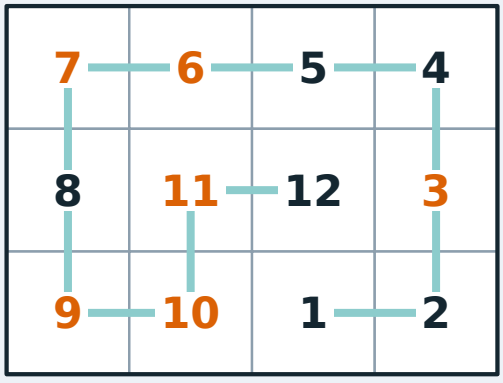
2

+1



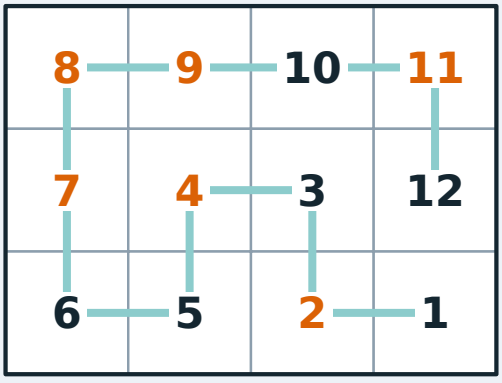
3

+1



4

+1



Rắn số

Lớp 1 | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Viết các số còn thiếu. Con rắn đi qua mỗi ô đúng một lần, từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Mỗi số nằm ở ô kề bên ô của số trước nó, và dấu phía trên bảng cho biết mỗi bước số thay đổi bao nhiêu.

Viết từ 1 đến 16. Đi lên, xuống, sang trái hoặc sang phải, không đi chéo.

1

+1

	13		15
			16
	1		7
		5	

2

+1

1	2		4
		14	
	16		6

3

+1

	12		
	1	8	
			6
16		4	

4

+1

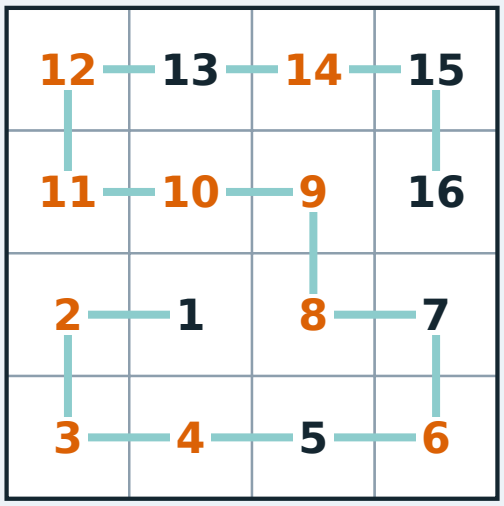
		6	5
		1	
		2	
13			16

Rắn số

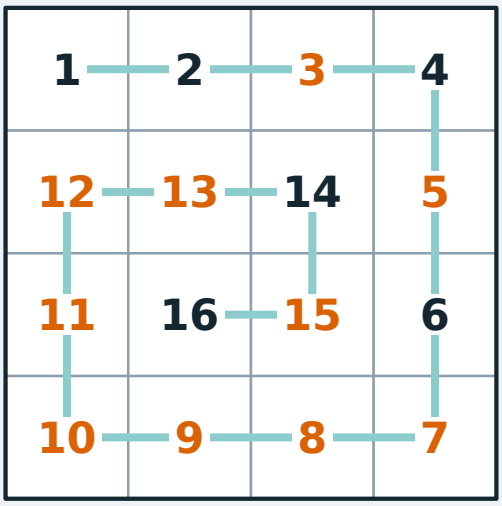
Lớp 1 | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

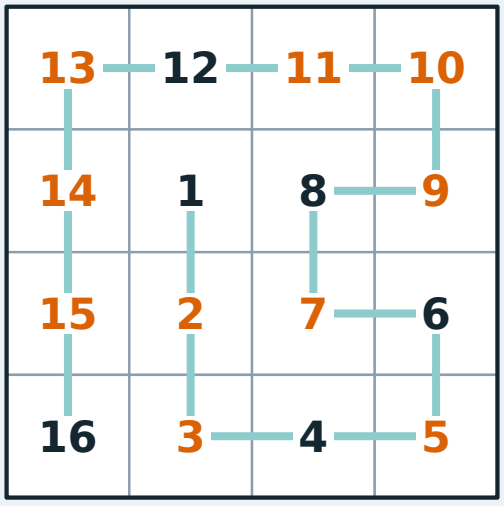
1 +1



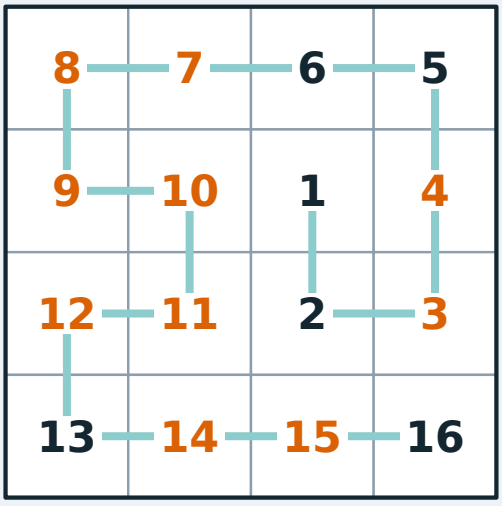
2 +1



3 +1



4 +1



Rắn số

Lớp 2 | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Viết các số còn thiếu. Con rắn đi qua mỗi ô đúng một lần, từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Mỗi số nằm ở ô kề bên ô của số trước nó, và dấu phía trên bảng cho biết mỗi bước số thay đổi bao nhiêu.

Viết từ 1 đến 25, mỗi ô dùng một lần. Không đi chéo.

1

+1

	22			13
25		17		11
4	5			
		1	8	

2

+1

	4	5		7
	23		25	
1	22			
	19	20		

3

+1

	18			
20	1			14
				13
	7		9	
23		25		

4

+1

25		3		13
24	1	4		
				16
21			18	

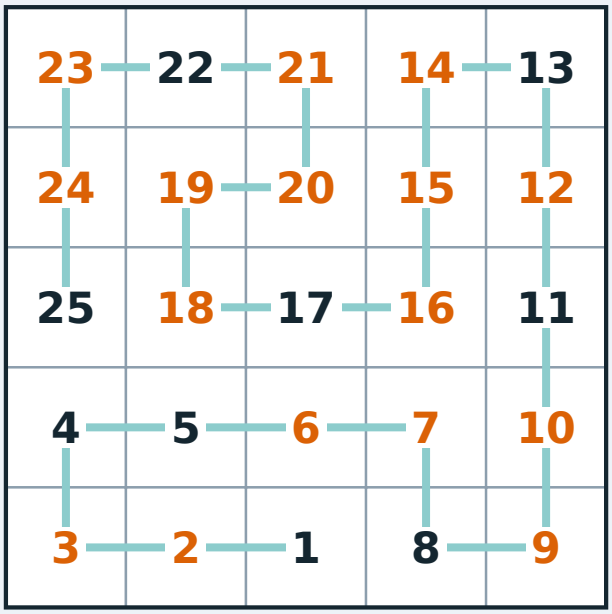
Rắn số

Lớp 2 | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

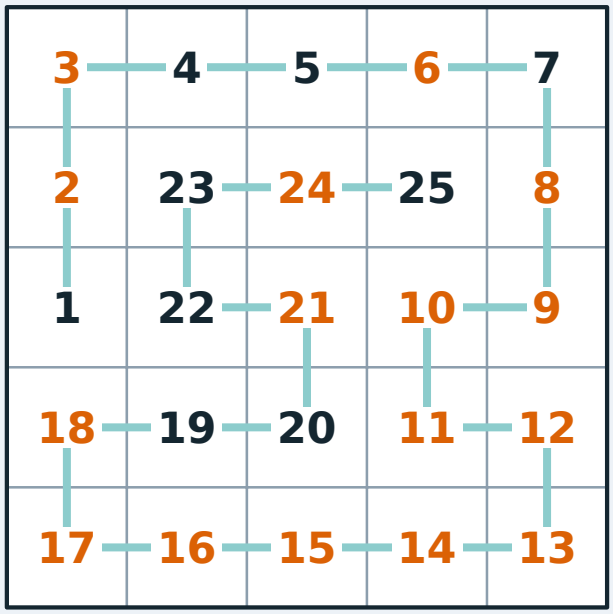
1

+1



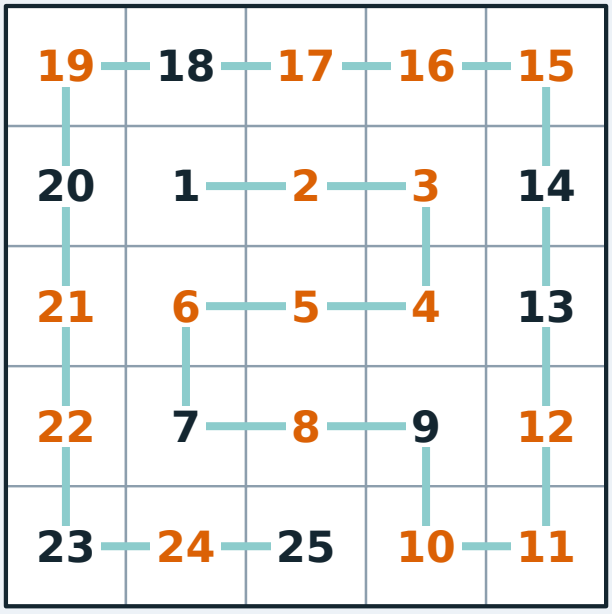
2

+1



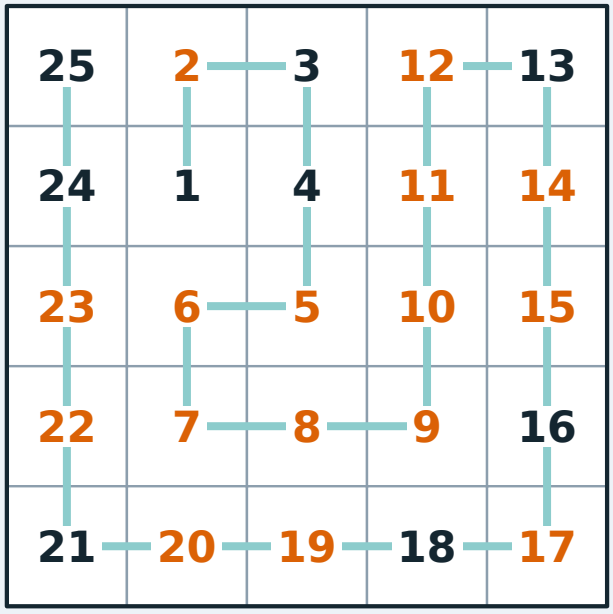
3

+1



4

+1



Rắn số

Lớp 3 | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Viết các số còn thiếu. Con rắn đi qua mỗi ô đúng một lần, từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Mỗi số nằm ở ô kề bên ô của số trước nó, và dấu phía trên bảng cho biết mỗi bước số thay đổi bao nhiêu.

Mỗi bước thêm 2: mỗi số lớn hơn số trước 2 đơn vị. Không đi chéo.

1

+2

	50			
		22	20	
28	26	8		
2			12	

2

+2

	32			46
	26			
				50
20	2			
	16		12	

3

+2

		10		
	14		2	4
	32			50
			38	48

4

+2

22				
		40		12
28		44	50	
30				2

Rắn số

Lớp 3 | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

1

+2

34	36	38	40	42
32	50	48	46	44
30	24	22	20	18
28	26	8	10	16
2	4	6	12	14

2

+2

30	32	34	44	46
28	26	36	42	48
22	24	38	40	50
20	2	4	6	8
18	16	14	12	10

3

+2

18	16	10	8	6
20	14	12	2	4
22	32	34	36	50
24	30	40	38	48
26	28	42	44	46

4

+2

22	20	18	16	14
24	38	40	10	12
26	36	42	8	6
28	34	44	50	4
30	32	46	48	2

Rắn số

Lớp 4 | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Viết các số còn thiếu. Con rắn đi qua mỗi ô đúng một lần, từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Mỗi số nằm ở ô kề bên ô của số trước nó, và dấu phía trên bảng cho biết mỗi bước số thay đổi bao nhiêu.

Nhảy cách quãng: mỗi bước cộng số ghi trên dấu, +3, +4 hoặc +6. Không đi chéo.

1 — +6

54	12		24		192
	6			216	186
66			120		
			126		
	84				

2 — +3

3		87			
	93	96			75
9			66		
12		30			
	108				
				48	

3 — +3

				102	
				99	108
		72		48	
	60		54		42
			3		33
	18				

4 — +3

			96		108
				102	
3		69			
6					
21				57	
24		30			39

Rắn số

Lớp 4 | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

1 — +6

48	42	36	30	204	198
54	12	18	24	210	192
60	6	108	114	216	186
66	96	102	120	174	180
72	90	132	126	168	162
78	84	138	144	150	156

2 — +3

3	90	87	84	81	78
6	93	96	69	72	75
9	102	99	66	63	60
12	105	30	33	36	57
15	108	27	42	39	54
18	21	24	45	48	51

3 — +3

84	87	90	93	102	105
81	78	75	96	99	108
66	69	72	51	48	45
63	60	57	54	39	42
12	9	6	3	36	33
15	18	21	24	27	30

4 — +3

81	84	87	96	99	108
78	75	90	93	102	105
3	72	69	66	51	48
6	9	12	63	54	45
21	18	15	60	57	42
24	27	30	33	36	39

Rắn số

Lớp 5 | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Viết các số còn thiếu. Con rắn đi qua mỗi ô đúng một lần, từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Mỗi số nằm ở ô kề bên ô của số trước nó, và dấu phía trên bảng cho biết mỗi bước số thay đổi bao nhiêu.

Bắt đầu từ số in đầu tiên, mỗi bước cộng số ghi trên dấu. Không đi chéo.

1

+12

		159			
	111				207
15	99	399			219
		411			
	75			255	
		435			

2

+7

				171	
129		45	248	269	
	73	38			199
115				283	
					213

3

+7

		156			
	128		268		
			107	254	
23					
58		86			205
		79	226		

4

+12

	290				194
			230	434	
14					
				410	
38	362		98		
		74		122	

Rắn số

Lớp 5 | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

1 — +12

135	147	159	171	183	195
123	111	387	375	363	207
15	99	399	339	351	219
27	87	411	327	243	231
39	75	423	315	255	267
51	63	435	303	291	279

2 — +7

143	150	157	164	171	178
136	59	52	255	262	185
129	66	45	248	269	192
122	73	38	241	276	199
115	80	87	234	283	206
108	101	94	227	220	213

3 — +7

142	149	156	163	170	177
135	128	121	268	261	184
30	37	114	107	254	191
23	44	93	100	247	198
58	51	86	233	240	205
65	72	79	226	219	212

4 — +12

302	290	278	218	206	194
314	326	266	230	434	182
14	338	254	242	422	170
26	350	386	398	410	158
38	362	374	98	110	146
50	62	74	86	122	134

Rắn số

Lớp 6 | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Viết các số còn thiếu. Con rắn đi qua mỗi ô đúng một lần, từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Mỗi số nằm ở ô kề bên ô của số trước nó, và dấu phía trên bảng cho biết mỗi bước số thay đổi bao nhiêu.

Các số giảm dần: mỗi bước trừ đi số ghi trên dấu. Không đi chéo.

1 — −3

133						163
49		109				157
		106				
43	58					
		28		70		82
37	34	19				

2 — −3

				88		
			64			
49	46			25	16	
154		160				
	142	139	34	31		121
148						

3 — −4

56			132		140	
						148
		40	36			
76					112	
		16	100		108	168
208		200				

4 — −7

61				103		
		82	5		341	124
	40	33				131
	285		313			
			306			
			215			
					166	

Rắn số

Lớp 6 | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

1 — −3

133	136	139	142	145	148	163
130	127	124	121	118	151	160
49	52	109	112	115	154	157
46	55	106	103	100	97	94
43	58	61	64	67	88	91
40	31	28	25	70	85	82
37	34	19	22	73	76	79

2 — −3

76	79	82	85	88	97	100
73	70	67	64	91	94	103
52	55	58	61	22	19	106
49	46	43	40	25	16	109
154	157	160	37	28	115	112
151	142	139	34	31	118	121
148	145	136	133	130	127	124

3 — −4

56	52	48	132	136	140	144
60	64	44	128	124	152	148
72	68	40	36	120	156	160
76	24	28	32	116	112	164
80	20	16	100	104	108	168
84	88	92	96	188	184	172
208	204	200	196	192	180	176

4 — −7

61	68	89	96	103	110	117
54	75	82	5	12	341	124
47	40	33	26	19	334	131
278	285	292	313	320	327	138
271	264	299	306	187	180	145
250	257	222	215	194	173	152
243	236	229	208	201	166	159

Rắn số

Lớp 7 | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Viết các số còn thiếu. Con rắn đi qua mỗi ô đúng một lần, từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Mỗi số nằm ở ô kề bên ô của số trước nó, và dấu phía trên bảng cho biết mỗi bước số thay đổi bao nhiêu.

Con rắn bắt đầu dưới 0. Mỗi bước cộng số ghi trên dấu và vượt qua 0 sang các số dương. Không đi chéo.

1 — +5

	77					2
		27		−13		−3
57	92					
52				−68		−88
	−138					
−148			−113			

2 — +4

					102	106
−42	−86				82	
−50			−14		66	70
						26
	−66				14	18

3 — +5

97					22	
			67			
				47		
	−123				−143	
		−63				−3
			−43		−13	
−93			−38		−28	

4 — +3

		−41				−23
	73					
	55	−56		−62	−71	
	37		19		−5	
			10		4	1

Rắn số

Lớp 7 | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

1 — +5

72	77	22	17	12	7	2
67	82	27	−18	−13	−8	−3
62	87	32	−23	−28	−33	−38
57	92	37	−58	−53	−48	−43
52	47	42	−63	−68	−83	−88
−143	−138	−123	−118	−73	−78	−93
−148	−133	−128	−113	−108	−103	−98

2 — +4

−38	−34	−30	94	98	102	106
−42	−86	−26	90	86	82	78
−46	−82	−22	−18	58	62	74
−50	−78	−10	−14	54	66	70
−54	−74	−6	46	50	30	26
−58	−70	−2	42	38	34	22
−62	−66	2	6	10	14	18

3 — +5

97	82	77	72	27	22	17
92	87	62	67	32	37	12
−113	−118	57	52	47	42	7
−108	−123	−128	−133	−138	−143	2
−103	−68	−63	−58	−53	−8	−3
−98	−73	−78	−43	−48	−13	−18
−93	−88	−83	−38	−33	−28	−23

4 — +3

67	70	−41	−38	−35	−26	−23
64	73	−44	−47	−32	−29	−20
61	58	−53	−50	−65	−68	−17
52	55	−56	−59	−62	−71	−14
49	34	31	28	25	−8	−11
46	37	16	19	22	−5	−2
43	40	13	10	7	4	1

Rắn số

Lớp 8 | 2026-11-11 | Phiếu bài tập

Viết các số còn thiếu. Con rắn đi qua mỗi ô đúng một lần, từ số đầu tiên đến số cuối cùng. Mỗi số nằm ở ô kề bên ô của số trước nó, và dấu phía trên bảng cho biết mỗi bước số thay đổi bao nhiêu.

Giờ được đi chéo: ô tiếp theo có thể chạm bằng cạnh hoặc bằng góc. Mỗi bước trừ đi số ghi trên dấu; các số có thể thành số âm.

1 — −4

			−3		−11
53				1	
		61	37	−19	
25	21				
−79			−35	−31	
				−43	

2 — −5

−65		−55			
	−80			10	
	−85		−20	5	
			−25		30
90			50		25
		55			

3 — −4

					−32
28	32		−48	−28	
40		−52			
	64	−64		−20	
					−16
	76				−8

4 — −4

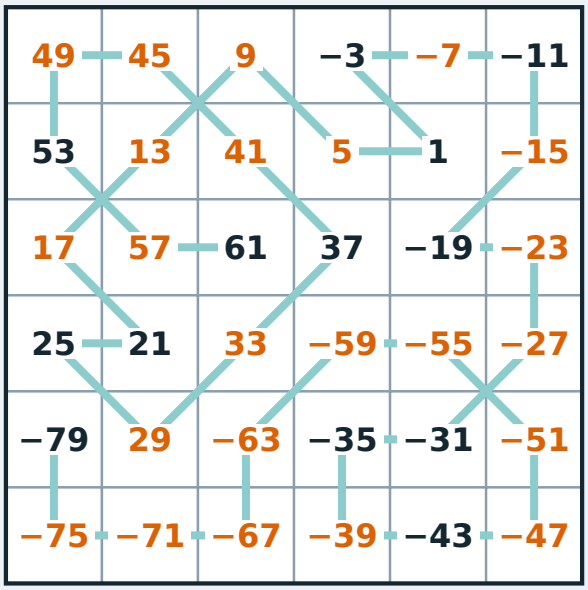
	−21	−13		15	19
99		−33	3		27
		55			
83	−41				43
	75				

Rắn số

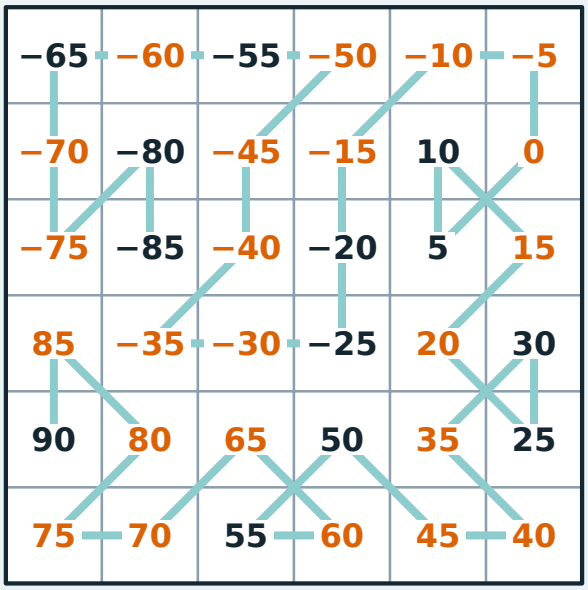
Lớp 8 | 2026-11-11 | Đáp án

Số màu cam là các số còn thiếu, đường kẻ cho thấy con rắn từ số đầu đến số cuối. Hãy cùng con kiểm tra mỗi bước có khớp với dấu phía trên bảng không.

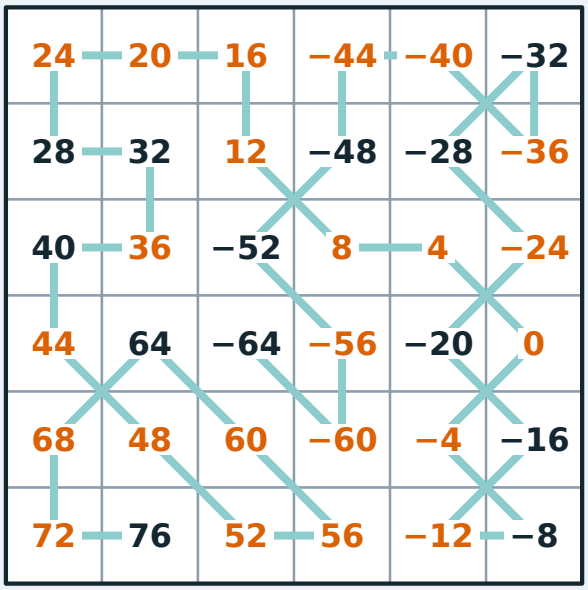
1 — −4



2 — −5



3 — −4



4 — −4

